

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 67/2018/HNGĐ-ST

Ngày 21-12-2018

*“V/v tranh chấp Ly hôn và nuôi con
chung giữa chị H, anh T”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Đức Nhân

2. Bà Nguyễn Thị Phương

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thu-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Mai-Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 226/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 29/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1996

Bị đơn: Anh Trịnh Công T, sinh năm 1993

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện Q, tỉnh Thái Bình

(Tại phiên tòa có mặt chị H, anh T vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/8/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Phạm Thị H trình bày: Chị và anh Trịnh Công T tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Q, tỉnh Thái Bình vào ngày 14/9/2015. Trong thời gian vợ chồng chung sống, vì anh T ham mê cờ bạc, cá độ bóng đá nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống không có hạnh phúc. Tháng 01/2016, chị đã bỏ về gia đình bố mẹ đẻ sinh sống trong khi đang mang thai. Sau khi chị sinh con, anh T và gia đình anh T đã đón mẹ con chị từ bệnh viện về nhà anh T, nhưng do anh T vẫn không thay đổi tính nết, còn mang tài sản của gia đình đi cầm cố lấy tiền cá độ, do đó, chị chỉ ở nhà anh T được nửa tháng rồi lại đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở cho đến nay. Thời gian đầu anh T có sang tìm hai, ba lần nhưng chị xác định không thể tiếp tục chung sống với anh T nên không quay về. Từ hơn hai năm nay, vợ chồng không quan tâm đến nhau, chị biết hiện anh T đang làm tự do tại huyện Đ, tỉnh Thái Bình, sáng đi, tối về nhưng không biết công việc và địa chỉ Công ty nơi anh T làm, việc anh T không đến Tòa án là cố tình gây khó khăn cho chị. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, chị xin được ly hôn anh T.

Vợ chồng có một con chung là Trịnh Hải O sinh ngày 27/6/2016, từ khi sinh, con chung ở với chị, chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con.

Vợ chồng không có tài sản và nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Trịnh Công T: Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh T vắng mặt không có lý do, Tòa án đã niêm yết Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cùng các thủ tục tố tụng tại địa phương nơi anh T cư trú theo quy định của pháp luật, nhưng anh T vẫn không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng.

Kết quả xác minh với chính quyền địa phương thôn A, xã B và xã B, huyện Q, tỉnh Thái Bình được cung cấp: Về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống và con chung như chị Phạm Thị H đã trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị H, anh T chung sống cùng gia đình anh T tại địa phương; về nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị địa phương không rõ, chỉ biết do bất hòa nên khoảng đầu năm 2016, chị H đã bỏ về gia đình bố mẹ đẻ chị sinh sống đến nay. Theo địa phương được biết, anh T hiện đi làm tự do nhưng không biết cụ thể ở đâu, bố mẹ anh T làm nông nghiệp và có làm thêm nghề phụ nhưng anh T và bố mẹ anh T thường sáng đi làm, tối về nhà. Tòa án đã nhiều lần xuống địa phương đề giao giấy triệu tập cho anh T, nhưng do gia đình anh T không có người ở nhà nên địa phương đã nhận giấy triệu tập

của Tòa án và trực tiếp giao giấy triệu tập cho gia đình anh T, còn lý do anh T không đến Tòa án, địa phương không nắm được.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình về giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt, do đó Viện kiểm sát không đưa ra quan điểm chấp hành pháp luật của bị đơn tại phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Trịnh Công T; giao con chung Trịnh Hải O sinh ngày 27/6/2016 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con nên không đặt ra giải quyết, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung; chị H khai vợ chồng không có tài sản chung, anh T vắng mặt nên không giải quyết về phần chia tài sản; chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kiểm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị H khởi kiện xin ly hôn và yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung với anh Trịnh Công T cư trú tại xã B, huyện Q, tỉnh Thái Bình, do đó Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn là anh Trịnh Công T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị H và anh Trịnh Công T xây dựng trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã B, huyện Q, tỉnh Thái Bình cấp đăng ký kết hôn số 30/2015 ngày 14/9/2015 là hôn nhân hợp pháp. Nay chị H xin ly hôn vì chị cho rằng anh T ham mê cờ bạc, không quan tâm đến gia đình; còn anh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng cố tình không có mặt để tham gia tố tụng; kết quả xác minh cho thấy, thời gian vợ chồng anh chị chung sống với nhau rất ngắn, chỉ được khoảng 04 tháng, sau đó chị H đã bỏ về gia đình bố mẹ đẻ ở trong khi đang mang thai; mặc dù sau khi sinh con anh T và gia đình anh T có đón mẹ

con chị về nhưng anh chị cũng chỉ ở với nhau được thêm nửa tháng rồi chị H tiếp tục đưa con về ở với bố mẹ chị, vợ chồng không quan tâm đến nhau hơn hai năm nay. Điều đó cho thấy quan hệ hôn nhân của anh chị thực tế đã tan vỡ, mục đích cuộc hôn nhân không đạt được, vì vậy cần xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về nuôi con chung: Chị Phạm Thị H và anh Trịnh Công T có một con chung là cháu Trịnh Hải O sinh ngày 27/6/2016, xét nguyện vọng xin được nuôi con chung của chị H là chính đáng vì hiện tại con chung dưới 36 tháng tuổi và thực tế từ khi sinh con vợ chồng đã không chung sống cùng nhau, con chung vẫn ở với chị H, được chị H chăm sóc phát triển bình thường. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị H, giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ; chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết; anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về chia tài sản chung: Chị Phạm Thị H khai vợ chồng không có tài sản chung, quá trình giải quyết vụ án anh Trịnh Công T vắng mặt, Tòa án không lấy được lời khai của anh T nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị H và anh Trịnh Công T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 227, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Trịnh Công T.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trịnh Hải O sinh ngày 27/6/2016 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng cho con: Chị Phạm Thị H không yêu cầu nên không giải quyết.

Anh Trịnh Công T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) chị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003758 ngày 18 tháng 9 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình thành tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Trịnh Công T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;
- UBND xã B, huyện Q;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hương Liên
(đã ký)**